TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10-8-2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng

2. Bà Trần Thị Đổi

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 738/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989.

Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Địa chỉ tạm trú: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Trương Công T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

(các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Nga trình bày tóm tắt như sau:

Chị và anh Trực là vợ chồng cưới nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hòa Khánh Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/10/2012. Thời gian đầu rất hạnh phúc, đến đầu năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên

cự cãi nhau. Nguyên nhân là là do cuộc sống vợ chồng không phù hợp, bất đồng quan điểm, hai bên không tìm được tiến nói chung trong hôn nhân. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trực.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Nguyễn Thiện Doanh, sinh ngày 12/4/2014. Khi ly hôn, Chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, Chị N không yêu cầu anh Trực cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định cả hai không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trương Công Trực trình bày: Anh Trực thống nhất với Chị N về thời gian cưới nhau, kết hôn, quá trình chung sống, con chung. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ do bất đồng ý kiến trong gia đình. Nay anh nhận thấy còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên đoàn tụ.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Trương Nguyễn Thiện Doanh, sinh ngày 12/4/2014, không yêu cầu Chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trực xác định cả hai không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến và không có trình bày bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của Chị Nguyễn Thị N, Anh Trương Công T và nội dung Giấy chứng nhận kết hôn số 123/HT-2012 ngày 03/10/2012 của Ủy ban nhân dân xã Hòa Khánh Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thể hiện Chị N và anh Trực có đăng ký kết hôn ngày 03/10/2012. Do đó, quan hệ hôn nhân của Chị N, anh Trực được pháp luật thừa nhận là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2]. Về yêu cầu ly hôn: Xét yêu cầu ly hôn của Chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị N và anh Trực đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, hiện nay Chị N và anh Trực đã ly thân, tình cảm vợ chồng đã không còn. Anh Trực không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra biện pháp nào để thuyết phục Chị N đồng ý đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị N đối với anh Trực.

[2.3]. Về quyền nuôi con chung: Khi ly hôn, Chị N và anh Trực đều có ý kiến đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cả Chị N và anh Trực đều có nguyện vọng được quyền nuôi con sau khi ly hôn, anh Trực có cung cấp giấy xác nhận của Trường mẫu giáo xã Hòa Khánh Đông và chính quyền địa phương xác nhận cháu Nguyễn Thiện Doanh đang học tại trường mẫu giáo Hòa Khánh Đông và anh Trực đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên Tòa anh Trực Chị N cùng xác định, cháu Trương Nguyễn Thiện Doanh, sinh ngày 12/4/2014 hiện đang sống với Chị N. Mặt khác cháu Trương Nguyễn Thiện Doanh, sinh ngày 12/4/2014 tính đến thời điểm hiện tại mới được hơn 4 tuổi, cháu còn quá nhỏ, cần có bàn tay chăm sóc của Chị N. Từ khi hai vợ chồng ly thân Chị N là người trực tiếp nuôi con và vẫn đảm bảo được các điều kiện chăm sóc giáo dục con chung, nên giao cháu Doanh cho Chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Tại phiên Toà Chị N cho rằng chị làm công nhân có thu nhập ổn định lương tháng 9.000.0000đ đủ điều kiện nuôi con và không yêu cầu anh Trực phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, trên cơ sở cân nhắc điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của các bên và để đảm bảo cho sự ổn định, phát triển bình thường của cháu Doanh, Hội đồng xét xử quyết định cho Chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Doanh.

[2.4]. Về cấp dưỡng nuôi con: anh Trực không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh Trực cùng xác định hai bên không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung của các bên.

Trường hợp sau này các đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Nguyễn Thị Nga phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Bị đơn Trương Công Trực không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị N xin ly hôn với Anh Trương Công T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với Anh Trương Công T.

2. Về quyền nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Trương Nguyễn Thiện Doanh, sinh ngày 12/4/2014, hiện do Chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên không trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của anh Trực.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì Chị N, anh Trực, người thân thích của cháu Doanh, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí Chị N đã nộp theo biên lai thu số 0002729 ngày 28/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang thi hành án phí. Anh Trương Công T không phải chịu án phí.

5. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hoàng – Trần Thị Đổi Bùi Ngọc Tuyến

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Ngọc Tuyến

Đào Văn Hùng-Trương Thị Kim Cương **Bùi Ngọc Tuyến**